ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND), với các nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

2. Đối tượng áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

4. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

a) Tư vấn xây dựng liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

b) Hạ tầng phục vụ liên kết: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

c) Xây dựng mô hình khuyến nông: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

d) Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

đ) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

e) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

5. Điều kiện để được hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ thực hiện

a) Điều kiện để được hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND;

b) Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND.

6. Kinh phí dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2026-2030: 100,027 tỷ đồng.

Điều 2. Phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

a) Phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết, kế hoạch liên kết có quy mô vốn đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng và địa bàn thực hiện liên kết phạm vi trong 01 xã, phường theo thẩm quyền được quy định tại Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Thực hiện thủ tục hành chính cấp xã theo Quyết định công bố của cấp có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

a) Phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết, kế hoạch liên kết các trường hợp còn lại;

b) Thực hiện thủ tục hành chính cấp tỉnh theo Quyết định công bố của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Lập dự toán triển khai thực hiện dự án/kế hoạch hàng năm

1. Căn cứ nhu cầu đăng ký của các đối tượng thụ hưởng tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh mục các dự án, kế hoạch liên kết và lập danh mục, dự toán kinh phí gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 7 hàng năm để tổng hợp, lập nhu cầu vốn hỗ trợ cho năm sau. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

2. Sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt, chủ trì liên kết tổ chức triển khai thực hiện dự án liên kết, kế hoạch liên kết (lập kế hoạch thực hiện chi tiết từng vụ/chu kỳ sản xuất).

3. Căn cứ vào kết quả thực hiện (sau từng vụ/chu kỳ sản xuất), chủ trì liên kết tập hợp đầy đủ và hoàn chỉnh hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, ngân sách, hóa đơn thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng tham gia liên kết thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết. Gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định để được xem xét hỗ trợ kinh phí.

Điều 4. Thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết

1. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành và quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, công khai, minh bạch theo quy định.

3. Chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ phục vụ thanh quyết toán theo quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này;

c) Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ theo quy định để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án liên kết hoặc kế hoạch hỗ trợ liên kết theo điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định này;

d) Thông tin, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến các đối tượng thụ hưởng được biết và triển khai thực hiện liên kết;

đ) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ liên kết trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng năm về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

2. Sở Tài chính: Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí theo quy định để thực hiện Quyết định này và hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết theo quy định.

3. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép nguồn vốn xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh; tăng cường công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép nguồn vốn đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp khoa học hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đồng bộ theo chuỗi giá trị để hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết theo quy định;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hàng hóa cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh;

c) Tăng cường thông tin về các chính sách hỗ trợ liên kết, các hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân và nông dân tham gia liên kết.

6. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định các công trình hạ tầng phục vụ liên kết thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn;

b) Tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức đại diện của nông dân và nông dân;

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn;

d) Giao phòng chuyên môn thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ theo trình tự quy định và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết trên địa bàn;

đ) Tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ liên kết bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, công khai, minh bạch theo quy định

(bao gồm các dự án, kế hoạch liên kết do Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt).

e) Kiểm tra, báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu về kết quả triển khai thực hiện việc hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh và các Hội, hiệp hội

a) Thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và thông báo đến các thành viên hỗ trợ các bên tham gia liên kết và thực hiện đúng hợp đồng liên kết theo quy định này nhằm góp phần xây dựng các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh có tiềm năng, thế mạnh phát triển thị trường trong nước và ngoài nước;

b) Bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết; cung cấp các thông tin về giải pháp hỗ trợ quy trình kỹ thuật sản xuất, chất lượng sản phẩm, phát triển thị trường;

c) Chủ động phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định.

9. Chủ đầu tư dự án liên kết hoặc Chủ trì liên kết

a) Liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án liên kết để đăng ký thực hiện dự án theo quy định;

b) Xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết theo quy định trình cấp thẩm quyền thẩm định hồ sơ và phê duyệt theo phân cấp tại quyết định này;

c) Sau khi dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết đã được phê duyệt, chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết có kế hoạch triển khai thực hiện theo từng vụ hoặc chu kỳ sản xuất và tập hợp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, hóa đơn thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ các bên tham gia liên kết thực hiện dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quy định về hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND và các quy định hiện hành.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các bên tham gia liên kết đang thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND, Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng các chính sách đã được phê duyệt. Trường hợp đã trình cơ quan có thẩm quyền để được hưởng chính sách trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt thì xem xét, giải quyết theo quy định tại Quyết định này.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn